

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC KẠN

Số: 94 /QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Kạn, ngày 12 tháng 01 năm 2012

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Quyết định số 1890/QĐ-TTg ngày 14/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Kạn thời kỳ đến năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 172/2008/QĐ-UBND ngày 25/11/2006 của UBND tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3378/QĐ-UBND ngày 02/11/2009 của UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ thiết kế điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông;

Theo Nghị quyết số 07/2011/NQ-HĐND ngày 28/3/2011 của Hội đồng nhân dân huyện Bạch Thông về việc thông qua đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông, giai đoạn 2010-2020 và định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 686/TTr-SXD ngày 23/12/2011,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông.

2. Địa điểm quy hoạch, phạm vi ranh giới lập quy hoạch:

Địa điểm: Thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

Ranh giới, phạm vi nghiên cứu: Phía Bắc giáp xã Phương Linh, huyện Bạch Thông; Phía Nam giáp xã Tú Trĩ, huyện Bạch Thông; Phía Đông giáp xã Phương Linh, huyện Bạch Thông; Phía Tây giáp xã Phương Linh, huyện Bạch Thông.

Quy mô diện tích khu quy hoạch khoảng 128,63ha.

3. Giai đoạn quy hoạch, tỉ lệ bản đồ: Giai đoạn quy hoạch 2010 - 2020, định hướng đến năm 2030; Tỉ lệ bản đồ 1/2000.

4. Tính chất, chức năng khu quy hoạch:

Tính chất: Là thị trấn huyện lỵ, trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hoá, thương mại, dịch vụ của huyện Bạch Thông.

Chức năng: Là đô thị hạt nhân (đô thị loại V) có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội vùng huyện Bạch Thông.

Động lực phát triển đô thị: Là du lịch, dịch vụ thương mại và chế biến nông, lâm nghiệp và khoáng sản.

5. Quy mô dân số, đất đai:

5.1) Dân số:

Năm 2009 = 2.101 người (tính đến 01/4/2009).

Dự báo dân số: Năm 2010 = 2.200 người; năm 2015 = 2.500 người; Năm 2020 = 3.000 người; năm 2030 = 4.000 người.

5.2) Đất đai: Tổng diện tích đất tự nhiên của thị trấn trước khi điều chỉnh là 108,97ha và sau khi điều chỉnh, mở rộng là 142,98ha.

Trong đó: Tổng diện tích đất xây dựng đô thị:

Hiện trạng: 29,81ha.

Giai đoạn 2010 - 2015: 87,28ha.

Giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2030: 109,59ha.

6. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

Đất ở mật độ cao: 80 - 100 m<sup>2</sup>/ hộ.

Đất ở mật độ trung bình: 120 - 160 m<sup>2</sup>/ hộ.

Đất ở mật độ thấp: 160 - 200 m<sup>2</sup>/ hộ.

Đất ở biệt thự, nhà vườn: 200 - 400 m<sup>2</sup>/ hộ.

Đất các cơ quan: 30 - 35m<sup>2</sup>/CBNV.

(Đối với đất An Ninh, Quốc Phòng là loại đất đặc biệt được xem xét cụ thể).

Đất cây xanh công cộng ngoài đơn vị ở: 04 - 07m<sup>2</sup>/ người.

Đất giao thông : ≥15% diện tích đất xây dựng đô thị.

Cấp nước sinh hoạt: 80 - 100 lít/ người/ ngày đêm.

Thoát nước: Tính bằng lượng nước cấp.

Cấp điện: 200 - 330W/ người.

Rác thải: 0,8 kg/ người/ ngày.

7. Hướng phát triển đô thị, định hướng tổ chức không gian đô thị (thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020, thị trấn Phủ Thông phát triển theo hướng như sau):

Hướng phát triển đô thị chủ yếu về phía Tây (giáp suối Vi Hương) và một phần về phía Đông tại khu đồi thấp thuộc xã Phương Linh.



Phía Đông Nam thị trấn hiện tại có dự án nhà máy công nghiệp chế biến bột đá cacbonat có diện tích sử dụng đất khoảng 7ha; Phía Bắc dự kiến bố trí điểm công nghiệp chế biến nông - lâm sản, diện tích sử dụng đất khoảng 1,8ha.

Tổ chức không gian đối ngoại không đi qua đô thị: Đường tránh QL3 thiết kế về phía Đông thị trấn, dài khoảng 2,5km.

Đường QL3 cũ được cải tạo và nâng cấp trở thành đường trục chính đô thị. Đồng thời kết hợp tổ chức lại nút giao thông tại ngã 3 Phủ Thông hiện nay (giao giữa đường QL3 với đường tỉnh lộ 258).

Mở tuyến đường phía Tây.

Mở trục trung tâm đô thị.

Xấp xếp, tổ chức không gian khu vực phía Tây thị trấn kéo dài theo Quốc lộ 3, mở một số tuyến đường trong đô thị, phân khu chức năng khu vực quy hoạch thị trấn.

8. Cơ cấu sử dụng đất theo các chức năng:

8.1) Cơ cấu sử dụng đất theo các chức năng của thị trấn: Kế thừa đồ án quy hoạch xây dựng thị trấn đã được duyệt năm 1997, Quy hoạch thị trấn Phủ Thông được điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với Luật quy hoạch đô thị và Quy chuẩn quy hoạch xây dựng Việt Nam, nhằm khai thác và sử dụng đất đai đô thị có hiệu quả để tạo ra nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của Huyện.

Trong giai đoạn đầu từ năm 2010 - 2015 và giai đoạn tiếp theo từ 2015 - 2020 định hướng đến năm 2030, cơ cấu sử dụng đất đô thị theo bảng phụ lục kèm theo.

8.2) Vị trí, quy mô các khu chức năng chính:

Điểm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Giai đoạn đầu từ năm 2010 - 2015 xây dựng nhà máy Bột đá Cacbonat ở phía Đông Nam thị trấn, diện tích đất khoảng 7ha. Giai đoạn tiếp, xây dựng điểm công nghiệp chế biến nông - lâm sản tại phía Bắc giáp thôn Nà Món với diện tích sử dụng đất khoảng 1,8ha.

Trường học: Trường PTTH thị trấn hiện tại mở rộng về phía Bắc. Quy hoạch xây dựng Trung tâm dạy nghề Huyện, quy mô đào tạo 300 ÷ 500 học sinh/năm, diện tích sử dụng đất khoảng 6.500m<sup>2</sup> phía Bắc thị trấn; Trung tâm bồi dưỡng chính trị của huyện diện tích sử dụng đất 2.740m<sup>2</sup>; Trung tâm giáo dục thường xuyên diện tích sử dụng đất khoảng 5.800m<sup>2</sup>.

Y tế: Bệnh viện Đa khoa huyện đã được xây dựng với quy mô 54 giường bệnh diện tích sử dụng đất là 15.505 m<sup>2</sup>; quy hoạch đến năm 2020 đầu tư nâng cấp với quy mô khoảng 150 giường bệnh, diện tích sử dụng đất mở rộng thêm 7.110m<sup>2</sup> về phía Tây bệnh viện. Diện tích đất của Trung tâm y tế huyện cũ, bố trí Trạm Y tế thị trấn diện tích đất sử dụng 500m<sup>2</sup>, khu tái định cư tại chỗ khoảng 20 hộ dân diện tích đất khoảng 1.100m<sup>2</sup> và bố trí Trung tâm dạy nghề huyện với diện tích là 6.500m<sup>2</sup>.

Khu văn hóa, thể thao đô thị: Quy hoạch khu Văn hóa và Thể dục thể thao có quy mô sử dụng đất 59.300m<sup>2</sup> phía Tây Bắc của thị trấn.

Thương mại dịch vụ: Chợ thị trấn Phủ Thông giữ nguyên ở vị trí hiện tại, xây mới và mở rộng quy mô theo tiêu chuẩn, diện tích sử dụng đất là 6.035m<sup>2</sup>. Bố trí bến xe khách ở phía Nam thị trấn, diện tích sử dụng đất 5.000m<sup>2</sup>.



Nhà ở: Hiện tại diện tích đất xây dựng nhà ở của thị trấn Phú Thông là 7,96ha với dân số hơn 2.100 người. Nhu cầu đất ở dự báo đến năm 2015, 2020 và định hướng 2030, nhu cầu đất khoảng 16ha, khoảng sau 15 năm tăng thêm khoảng 8,1ha.

Nhà ở xã hội: Xây dựng mới tại trung tâm thị trấn, diện tích sử dụng đất khoảng 12.995m<sup>2</sup>.

#### 9. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị:

##### 9.1) Định hướng San nền:

Xác định cao độ không chế của thị trấn Phú Thông là  $H \geq 172.40m$  so với mực nước biển.

Giải pháp san nền là đào đắp cục bộ tại các khu vực xây dựng mới, cải tạo lại nền của khu vực trung tâm thị trấn cho phù hợp với các tuyến đường xung quanh, giữ nguyên cos hiện trạng tại khu vực dân cư hai bên đường quốc lộ 3.

Cao độ san nền cao nhất: 197.00 m ở phía Đông Bắc và phía Tây Bắc.

Cao độ san nền thấp nhất: 172.50m ở phía Tây Nam của thị trấn .

##### 9.2) Định hướng thoát nước mưa:

Thiết kế Hệ thống thoát nước mưa riêng biệt. Sử dụng hệ thống cống bê tông cốt thép có khẩu độ D600-D800.

Hướng thoát nước: Về suối Vi Hương ở phía Tây của thị trấn.

Tuyến cống đặt trên các trục đường có độ dốc dọc cống  $\geq 0,2\%$ .

##### 9.3) Quy hoạch giao thông:

Mở đường tránh phía Đông chiều dài khoảng 2,5km, lộ giới đường đỏ 29 m.

Quốc lộ 3, đoạn qua đô thị hiện nay dài khoảng 1,5km là đường trục chính đô thị, mở rộng lộ giới đường là 30m.

Tỉnh lộ 258 khi cải tạo nâng cấp sẽ nắn lại tuyến đi về phía Tây thị trấn chiều dài khoảng 02km, lộ giới 28m; riêng đoạn đường tỉnh lộ 258 đi qua thị trấn hiện nay dài khoảng 0,5km quy hoạch lộ giới đường là 23m.

Thiết kế lại nút giao thông đô thị tại ngã ba, giao giữa QL3 và tỉnh lộ 258.

Quy hoạch bến xe ô tô tại phía Nam thị trấn, diện tích sử dụng đất 5.000m<sup>2</sup>.

Mở đường trục chính trung tâm đô thị (trục không gian mở Đông Tây) chiều dài 0,3km, lộ giới đường 35m, đồng thời mở rộng lộ giới tuyến đường lên Huyện ủy, Hội đồng nhân dân – UBND huyện dài 180m, lộ giới đường là 14m.

Đường phân khu vực, chiều dài khoảng 2,1km, lộ giới đường 12m. Đường nhóm nhà ở, chiều dài khoảng 4,2km, lộ giới đường 8m.

Tổng chiều dài đường đô thị 10km.

##### 9.4) Quy hoạch cấp nước:

Tổng nhu cầu dùng nước quy hoạch dài hạn là 850m<sup>3</sup>/ngđ

Nguồn cấp, quy trình công nghệ xử lý nước:



Giai đoạn ngắn hạn: Cải tạo nâng cấp hai trạm bơm nước ngầm hiện có; nâng cấp cải tạo hệ thống cấp nước mặt tự chảy từ hồ Khuổi Tàu hòa mạng với hệ thống cấp nước ngầm hiện có.

Giai đoạn dài hạn: Lựa chọn nguồn nước ngầm làm nguồn cung cấp nước cho thị trấn, hoàn thiện hệ thống cấp nước sạch thị trấn Phú Thông.

Dây chuyền cấp nước: Trạm bơm giếng → Trạm xử lý → Bể chứa → Trạm bơm cấp 2 → Mạng lưới.

Mạng lưới cấp nước: Sử dụng mạng vòng, kết hợp với mạng lưới cành cây.

9.5) Quy hoạch cấp điện:

Công suất phụ tải Giai đoạn I: 2010 – 2015 (Stt ): 3018.21KVA.

Công suất phụ tải Giai đoạn II và định hướng đến năm 2030 (Stt ): 4227.87KVA.

Nguồn cấp: Sử dụng nguồn điện từ mạng lưới điện Quốc gia 35KV cung cấp điện cho Thị trấn.

Trạm biến áp 35/0,4KV: Xây dựng khoảng 19 trạm biến áp cấp điện cho sinh hoạt của đô thị, công suất mỗi trạm từ 100KVA đến 320KVA.

Lưới điện cao áp và trung áp: Đường điện 110KV và 35KV chạy qua thị trấn Phú Thông được nắn chỉnh bám theo đường giao thông.

Lưới điện hạ áp 0,4KV: Từ các trạm biến áp kéo các đường hạ áp đến từng tổ công tơ của từng vùng phục vụ.

Mạng lưới chiếu sáng: Công suất phụ tải đến năm 2015 (Stt ): 240.46KVA.

Công suất phụ tải dài hạn đến năm 2020 và định hướng 2030 (Stt ): 372.46KVA.

Nguồn sáng: sử dụng đèn phóng điện Halogen để chiếu sáng đường giao thông và chiếu sáng trang trí. Công suất bóng đèn từ 70W đến 250W.

9.6) Quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

Lượng nước thải là 550m<sup>3</sup>/ngày.

Lựa chọn hệ thống thoát nước bản riêng. Nước thải bản sinh hoạt theo sơ đồ: Bể tự hoại → cống thoát nước thải → trạm xử lý → suối Vi Hương.

Quản lý chất thải rắn: Tổng cộng chất thải rắn đô thị 3.520kg/ngđ.

Bãi xử lý chất thải rắn tại thôn Khuổi Xôm, xã Phương Linh, với quy mô sử dụng đất theo quy chuẩn quốc gia yêu cầu từ =7ha.

9.7) Nghĩa trang nhân dân: Duy trì và cải tạo nghĩa trang đô thị đã có tại xã Phương Linh đảm bảo quy mô diện tích đất lâu dài từ =7ha.

9.8) Các giải pháp bảo vệ môi trường:

Bảo vệ môi trường không khí: Có biện pháp che chắn giữa khu vực san ủi, thi công với khu vực xung quanh. Trồng cây xanh đường phố, cây xanh cách ly để hạn chế sự lan tỏa bụi.

Bảo vệ đất: Nước mưa phải được thu gom bằng các cống thoát nước của thị trấn.

Xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt phải được xử lý cục bộ từng công trình. Nước thải Bệnh viện, nước thải công nghiệp phải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung.

Xử lý chất thải rắn: Khoảng cách ATMT nhỏ nhất giữa nhà máy xử lý chất thải rắn đến chân các công trình xây dựng khác là = 500m và có dải cây xanh cách ly xung quanh khu vực xử lý chất thải rắn.

10. Phân đợt quy hoạch xây dựng:

Giai đoạn I : từ 2010 – 2015.

Giai đoạn II: từ 2015 – 2020.

10.1) Các dự án trọng tâm ưu tiên đầu tư giai đoạn I:

Khu tái định cư tại chỗ tại Trung tâm Y tế cũ và đồn Phú Thông.

Khu dân cư Khuổi Nim.

Nhà ở xã hội.

Trung tâm văn hóa – TĐTT.

Trung tâm dạy nghề huyện Bạch Thông.

Trung tâm giáo dục thường xuyên.

Bưu điện huyện.

Mở rộng, cải tạo nghĩa trang Liệt sĩ Phú Thông.

Cải tạo nâng cấp đường trục chính đô thị (QL3 hiện tại).

Cải tạo đường tỉnh lộ 258 qua thị trấn và một số đường nội thị khác.

Cải tạo nâng cấp hệ thống cấp điện, cấp thoát nước và vệ sinh môi trường.

10.2) Các dự án trọng tâm ưu tiên đầu tư giai đoạn II:

Xây dựng khu dân cư mới ở phía Nam thị trấn.

Xây dựng khu dân cư mới ở phía Bắc của Bệnh viện đa khoa.

Xây dựng trường bồi dưỡng cán bộ.

Xây dựng trung tâm văn hóa ở phía Bắc.

Xây dựng thêm điểm trường Tiểu học, THCS và mở rộng trường PTTH.

Mở rộng quy mô Bệnh viện đa khoa.

Xây dựng điểm công nghiệp chế biến nông - lâm sản tại phía Bắc thị trấn.

Xây dựng mới đường tránh đô thị (Đường tránh QL3).

Xây dựng mới đường khu vực phía Tây Nam thị trấn.

Nâng cấp công suất cấp nước và cấp điện để đáp ứng nhu cầu.

11. Tổng dự toán lập đề án quy hoạch (áp dụng theo Thông tư số 17/2010/TT- BXD ngày 30/9/2010 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị): **940.246.070 đồng**. (Chín trăm bốn mươi triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn, không trăm bảy mươi đồng).

Trong đó:

Khảo sát địa hình:

164.939.000 đồng.

Chi phí lập, điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung: 775.307.070 đồng. (Bao gồm: Lập đề án quy hoạch =584.760.000 đồng; Lập nhiệm vụ quy hoạch =35.085.000 đồng; Thẩm



định đồ án quy hoạch =32.161.800 đồng; Quản lý việc lập đồ án điều chỉnh quy hoạch =29.238.000 đồng; Chi phí công bố quy hoạch =34.062.270 đồng; Đưa mốc giới ra thực địa (tạm tính) =60.000.000 đồng).

12. Lưu hồ sơ: Hồ sơ đồ án điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông được Sở Xây dựng xác nhận thẩm định và lưu tại các cơ quan, đơn vị theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Quyết định số 3378/QĐ-UBND ngày 02/11/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông.

**Điều 2.** Tổng dự toán phê duyệt tại khoản 11 Điều 1 Quyết định này thay thế phần phê duyệt kinh phí lập đồ án quy hoạch đã ghi tại khoản 11 Điều 1 Quyết định số 3378/QĐ-UBND ngày 02/11/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông.

**Điều 3.** Phân giao nhiệm vụ, tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông: Có trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện theo đúng quy hoạch được duyệt; Tổ chức công bố quy hoạch và đưa mốc giới quy hoạch ra thực địa; Lập quy hoạch phân khu và các đồ án quy hoạch chi tiết phù hợp với quy hoạch chung làm cơ sở quản lý đất đai, quản lý kiến trúc đô thị và kêu gọi vốn đầu tư phát triển đô thị; Xây dựng các chính sách khuyến khích đầu tư phát triển đô thị theo hướng xã hội hoá trình cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Sở Xây dựng: Thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng. Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc quản lý và thực hiện quy hoạch.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường: Thực hiện quản lý nhà nước về đất đai và môi trường trong đô thị. Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc quản lý và sử dụng đất đai trong đô thị theo quy hoạch được phê duyệt.

4. Các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan: Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp thực hiện tốt quy hoạch này.

**Điều 4.** Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Bạch Thông, Chủ tịch UBND thị trấn Phủ Thông huyện Bạch Thông và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4 (t/h);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- PVP (đ/c Đức);
- Lưu: VT, CN-XDCB (18b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Du





**Phụ lục**  
**BẢNG CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT ĐÔ THỊ PHỦ THÔNG**  
 (Kèm theo Quyết định số: **94** /QĐ-UBND ngày **12** /01/2012 của UBND tỉnh)

TT	Hạng Mục	Quy hoạch					
		Hiện trạng sau khi điều chỉnh mở rộng		Giai đoạn I: 2010-2015		Giai đoạn II: 2015-2020 và ĐH 2030	
		Ha	%	Ha	%	Ha	%
	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên</b>	<b>142,98</b>	<b>100,00</b>	<b>142,98</b>	<b>100,00</b>	<b>142,98</b>	<b>100,00</b>
<b>I</b>	<b>Đất xây dựng Đô thị</b>	<b>29,81</b>	<b>20,85</b>	<b>87,28</b>	<b>61,07</b>	<b>109,59</b>	<b>76,65</b>
<b>I.1</b>	<b>Dịch vụ Đô thị</b>	<b>6,39</b>	<b>4,47</b>	<b>14,48</b>	<b>10,13</b>	<b>18,22</b>	<b>12,74</b>
a	Hệ thống Giáo dục	2,52	1,76	4,24	2,98	6,11	4,27
b	Hệ thống Y tế	2,15	1,50	2,36	1,65	2,44	1,71
c	Trung tâm Văn hóa - TDTT	0,97	0,68	4,34	3,04	5,90	4,13
d	Chợ - Thương mại	0,66	0,46	0,65	0,45	0,67	0,47
e	Dịch vụ công cộng đô thị khác	0,09	0,06	2,89	2,02	3,10	2,16
<b>I.2</b>	<b>Đất ở</b>	<b>8,64</b>	<b>6,04</b>	<b>21,32</b>	<b>14,92</b>	<b>28,80</b>	<b>20,14</b>
a	Đất ở hiện trạng	8,64	6,04	17,22	12,05	17,00	11,89
b	Đất ở mới	-	-	4,10	2,87	11,80	8,25
<b>I.3</b>	<b>Đất cơ quan</b>	<b>4,16</b>	<b>2,91</b>	<b>5,80</b>	<b>4,05</b>	<b>6,20</b>	<b>4,34</b>
<b>I.4</b>	<b>Đất truyền thông, lịch sử</b>	<b>1,50</b>	<b>1,05</b>	<b>2,06</b>	<b>1,45</b>	<b>2,06</b>	<b>1,44</b>
<b>I.5</b>	<b>Đất an ninh, quốc phòng</b>	<b>0,84</b>	<b>0,59</b>	<b>2,04</b>	<b>1,43</b>	<b>2,04</b>	<b>1,43</b>
<b>I.6</b>	<b>Đất HTKT đầu mối</b>	<b>0,02</b>	<b>0,01</b>	<b>1,50</b>	<b>1,05</b>	<b>1,50</b>	<b>1,05</b>
<b>I.7</b>	<b>Đất công nghiệp - TTCN</b>	<b>0,27</b>	<b>0,19</b>	<b>9,07</b>	<b>6,34</b>	<b>9,07</b>	<b>6,34</b>
<b>I.8</b>	<b>Đất cây xanh - công viên</b>	-	-	<b>13,81</b>	<b>9,67</b>	<b>15,20</b>	<b>10,63</b>
<b>I.9</b>	<b>Đất giao thông</b>	<b>7,99</b>	<b>5,59</b>	<b>17,20</b>	<b>12,03</b>	<b>26,50</b>	<b>18,53</b>
a	Giao thông đô thị	4,51	3,15	13,92	9,73	17,10	11,96
b	Giao thông đối ngoại	3,48	2,43	3,28	2,30	9,40	6,57
<b>II</b>	<b>Đất khác</b>	<b>113,17</b>	<b>79,15</b>	<b>55,68</b>	<b>38,93</b>	<b>33,39</b>	<b>23,35</b>
-	Đất nông nghiệp	44,50	31,12	17,45	12,20	11,83	8,27
-	Đất lâm nghiệp	35,09	24,54	24,69	17,27	12,00	8,39
-	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	0,52	0,36	1,45	1,01	1,50	1,05
-	Đất sông suối, mặt nước	10,85	7,59	4,54	3,17	4,56	3,19
-	Đất chưa sử dụng	22,21	15,53	7,55	5,28	3,50	2,45